**Xin chào công ty luật Minh Khuê. Em tên là Minh Ngọc, hiện tại là sinh viên năm 2 khoa luật trường Đại học Vinh. Hiện tại em đang nghiên cứu nguồn của luật hình sự. Em gặp khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu về nguồn của luật hình sự của nước ta trước năm 1945. Vậy em mong luật sư giải đáp giúp em nội dung thắc mắc trên ạ. Rất mong nhận được tư vấn từ luật sư. Em xin chân thành cảm ơn!**

Câu hỏi được biên tập từ chuyên mục **tư vấn luật Hình sự** của [Công ty luật Minh Khuê](https://luatminhkhue.vn/)

**>>**[**Luật sư tư vấn pháp luật Hình sự, gọi:**](https://luatminhkhue.vn/dich-vu-luat-su-tu-van-phap-luat-hinh-su-truc-tuyen-qua-tong-dai-dien-thoai-.aspx)[**1900 6162**](tel:19006162)

**Trả lời:**

Chào bạn, cảm ơn bạn đã tin tưởng và gửi câu hỏi đề nghị tư vấn luật đến Bộ phận luật sư tư vấn pháp luật của Công ty Luật Minh Khuê. Nội dung câu hỏi của bạn đã được đội ngũ luật sư của Chúng tôi nghiên cứu và tư vấn cụ thể như sau:

**Tìm hiểu về nguồn luật hình sự nước ta trước năm 1945**

**1. Nguồn luật hình sự là gì?**

Nguồn luật hình sự Việt Nam là phương thức tồn tại của luật hình sự Việt Nam, là hình thức bên ngoài chứa đựng nội dung, đồng thời là hình thức xác định phạm vi giới hạn của luật hình sự Việt Nam về không gian, thời gian và đối tượng chịu tác dộng trong một giai đoạn lịch sử cụ thể.

**2. Nguồn luật hình sự nước ta trước năm 1945**

**2.1. Thời kỳ phong kiến**

Pháp luật (hình sự) Việt Nam, kể từ thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc, qua thời Bắc thuộc 1000 năm, phát triển rực rỡ dưới các triều đại phong kiến Lý, Trần, Lê và để lại nhiều dấu ấn thời kỳ nhà Nguyễn, cho đến năm 1945 thì chuyển sang một giai đoạn mới - giai đoạn hiện đại. Việc nghiên cứu nguồn luật hình sự Việt Nam trước năm 1945, ngoài các bộ cổ luật như *Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức), *Hoàng Việt luật lệ*(Luật Gia Long), *Hồng Đức thiện chính thư, Lê triều hội điển, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (phần *Bộ Hình)* và một *số* văn bản pháp luật khác, chủ yếu phải căn cứ vào các tài liệu sử học, nhất là các bộ cổ sử như *Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt thông sử, Đại Việt sử ký tiền biên, Việt sử lược, Việt sử tiêu án, Lịch triều tạp kỷ, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam thực lục, Minh Mệnh chính yếu, An Nam chí lược*hoặc một *số* tài liệu cổ khác như *Lịch triều hiến chương loại chí, Hoàng Lê nhất thống chí* hay một số ghi chép của thương nhân, người truyền đạo nước ngoài trong thời gian họ đến Việt Nam thời kỳ trước như *Xứ Đàng trong năm 1621* của Critốphơ Boócri (Critophoro Borri) hay *Một chuyến du hành đến Đàng ngoài năm 1688* của Uyliam Đampiê (William Dampier)...

**2.1.1. Nguồn của luật hình sự Việt Nam trước năm 1945 trước hết là những bộ pháp điển lớn**

 Thời kỳ nhà Lý, bộ *Hình thư* được ban hành năm Minh Đạo thứ nhất (1042) dưới triều vua Lý Thái Tông. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sỹ Liên và các sử thần khác thì *“Mùa đông, tháng mười, ngày mồng một... ban sách Hình thư. Trước kia, trong nước việc kiện tụng phiền nhiễu, quan giữ việc hình câu nệ luật văn, cốt làm khắc nghiệt, thậm chí oan uổng. Vua lấy làm thương xót, sai Trung thư sửa định luật lệnh, châm chước cho thích dụng với thời bấy giờ, chia môn loại, biên ra điều khoản, làm sách Hình luật của một triều đại, để cho người xem dễ hiểu. Sách làm xong, xuống chiếu ban hành, dân lấy làm tiện. Đến đây, phép xử hình thản nhiên rõ ràng, cho nên có lệnh đổi niên hiệu làm Minh Đạo và đúc tiền Minh Đạo”.* Đoạn ghi chép này của *Đại Việt sử ký toàn thư* phản ánh hoàn cảnh ra đời của Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Việt do người Việt biên soạn để áp dụng trên phạm vi lãnh thổ của mình. Ngoài *Đại Việt sử ký toàn thư,* các bộ sử Việt Nam khác soạn thảo dưới chế độ phong kiến như *Đại Việt sử ký tiền biên* của Ngô Thì Sĩ, *Khâm định Việt sử thông giam cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn cũng có những ghi chép tương tự.

Đến thời nhà Trần, Trần Thái Tông cho ban hành bộ *Quốc triều hình luật,* Trần Dụ Tông ban hành *Hoàng triều đại điển và Hình luật thư. Đại Việt sử ký toàn thư* có đoạn viết: *“Canh Dần, năm thứ sáu (1230) ... mùa xuân, tháng 3, xét các lệ của triều trước, định làm thông chế của quốc triều và sửa đổi hình luật lễ nghi, phàm 20 quyển. Định tội đồ theo thứ bậc khác nhau. Tội vừa thì đồ làm cảo điền hành, thích vào mặt sáu chữ, cho ở Cảo Xã (nay là xã Nhật Cảo), cày ruộng công, mỗi người ba mẫu, mỗi năm thu thóc 300 thăng; đồ làm Lao thành binh thì thích vào mặt bốn chữ, làm việc dọn cỏ ở Phượng thành Thăng Long, lệ vào quăn Tứ Sương”.*

Các bộ luật cổ thời nhà Lý và nhà Trần nói trên đã hoàn toàn bị thất lạc do những biến động của chiến tranh, loạn lạc. Theo chương *Nghệ văn chí* sách *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn thì *“các bản chiếu, sách, sắc, lệnh, các bài ca, bài tụng, các tờ tâu, tờ biểu bàn bạc các điều lệ, điển chương của hai triều Lý (1010- 1224), Trần (1225-1400), trong thời gian hơn ba trăm năm, kể sao xiết được, thì nay đều thiếu mất cả’’.* Như vậy, cho đến thời điểm Lê Quý Đôn làm sách *Đại Việt thông sử* là tháng tám năm cảnh Hưng thứ 10 Kỷ Tỵ (1759) như ghi trong lời *Tựa,* các bộ luật của nhà Lý và nhà Trần chỉ còn được người đương thời biết đến qua những đoạn trích ngắn trong *Đại Việt sử ký toàn thư*và các sách sử khác đã trình bày ở trên.

Hai bộ luật cổ còn lại ngày nay là *Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức) được ban hành dưới triều nhà Hậu Lê và *Hoàng Việt luật lệ* (Luật Gia Long) ban hành vào thời kỳ nhà Nguyễn.

*Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức) được xem là bộ luật cổ nhất còn lại ở nước ta. Khác với các bộ luật được ban hành vào thời Lý và thời Trần, thời điểm ban hành *Quốc triều hình luật* của nhà Lê không được ghi chép trong chính sử. Nhiều học giả căn cứ vào tên gọi của bộ luật (Luật Hồng Đức) mà cho rằng, bộ luật này được ban hành bởi vua Lê Thánh Tông, vị vua xuất sắc nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Tuy nhiên, quan điểm chung của giới nghiên cứu hiện nay cho rằng bộ luật là sản phẩm lập pháp của nhiều triều vua Lê, từ Lê Thái Tổ (Lê Lợi) cho đến các vua Lê về sau, trong đó, công lao nổi bật nhất là của Lê Thánh Tông với niên hiệu Quang Thuận (1460-1469) và Hồng Đức (1470-1497). Niên hiệu Hồng Đức được đặt tên cho bộ luật để ghi nhận công lao của vị vua này. Dưới triều Lê, *Quốc triều hình luật* là nguồn cơ bản nhất của luật hình sự phong kiến Việt Nam. Điều khẳng định này dựa trên cơ sở những lập luận sau đây:

*+ Quốc triều hình luật* là một bộ luật lớn với 13 chương, được ghi chép trong 6 quyển, tổng cộng có 722 điều luật điều chỉnh một phạm vi quan hệ xã hội rất rộng, từ những vấn đề chung cho đến các tội phạm cụ thể trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Việc xây dựng một bộ luật lớn như vậy thể hiện sự quan tâm của Nhà nước phong kiến trong việc giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống bằng biện pháp pháp luật (hình sự). Sự quan tâm này chắc chắn ảnh hưởng đến hoạt động áp dụng pháp luật của những người trực tiếp làm nhiệm vụ *xét xử và*như thế căn cứ pháp lý của hoạt động xét xử phải là các quy định pháp luật đương thời, mà trước hết là quy định của bộ *Quốc triều hình luật.*

+ Khi bàn đến pháp chế nhà Lê, các sử gia phong kiến và những trí thức nho học trung đại Việt Nam thường trình bày lại các quy định của *Quốc triều hình luật,* họ xem *Quốc triều hình luật* là đại diện có tính điển hình của pháp luật nhà Lê, mặc dù dưới triều Lê, ngoài *Quốc triều hình luật,* còn rất nhiều các văn bản pháp luật khác cũng được ban hành đồng thời hoặc thậm chí trong một khoảng thời gian sau đó. Điều này được thể hiện tương đối rõ trong chương *Hình luật chí*của *Lịch triều hiến chương loại chí* do Phan Huy Chú soạn. Như thế, vai trò của *Quốc triều hình luật* đã được khẳng định và từ khẳng định này cho phép kết luận rằng *Quốc triều hình luật* là nguồn chủ yếu của luật hình sự Việt Nam dưới triều đại nhà Lê.

+ Tên của bộ *Quốc triều hình luật* còn được nhắc đến trong lời Tựa của vua Gia Long cho bộ *Hoàng Việt luật lệ.* Trong bài *Tựa* này, vua Gia Long khẳng định Luật Hồng Đức *(Quốc triều hình luật)* là một trong hai căn cứ quan trọng nhất để soạn thảo *Hoàng Việt luật lệ -*luật của triều Nguyễn. Sự khẳng định này cho thấy uy tín, sức sống lâu dài của *Quốc triều hình luật,* đồng thời cũng là căn cứ gián tiếp cho thấy *Quốc triều hình luật*là nguồn cơ bản của luật hình sự triều Lê.

Sau sự kiện vua Quang Trung đánh bại cuộc xâm lược của Mãn Thanh năm Kỷ Dậu (1789), dòng họ Lê thực sự kết thúc vai trò của họ trên vũ đài chính trị Đại Việt. Năm 1802, nhà Nguyễn chính thức được thành lập. Năm 1811, Gia Long, ông vua sáng lập triều đình nhà Nguyễn, đã lệnh cho triều thần biên soạn một bộ luật mới. Bộ *Hoàng Việt luật lệ* (Luật Gia Long) được ban hành sau đó với 398 điều luật, chia thành 22 quyển, là nguồn cơ bản của luật hình sự dưới triều đại nhà Nguyễn.

**2.1.2. Các bộ Hội điển và các đạo luật đơn hành: Chiếu, Dụ, Chỉ, Sắc, Lệnh… là nguồn luật hình sự**

Nguồn của luật hình sự phong kiến Việt Nam, ngoài các bộ luật lớn nói trên, còn có các bộ *Hội điển* và các đạo luật đơn hành với nhiều tên gọi khác nhau như Chiếu, Dụ, Chỉ, sắc, Lệnh.... Thực chất, *Hội điển*cũng là *“tập hợp hoá văn bản pháp luật đã được Hoàng Đê ban hành hoặc phê chuẩn biên thành điển chế bổ sung cho luật. Hội điển tập hợp các Chiếu, Dụ, Chỉ, Sắc, Lệnh, Chuẩn theo trình tự thời gian qua các triều vua. Việc phân loại quyển mục căn cứ vào thâm quyền, chức năng của Lục Bộ và các cơ quan chuyên môn”.*

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư, Lịch triều hiến chương loại chí, Khâm định Việt sử thông giám cương mục* thì dưới triều đại nhà Trần, chính quyền phong kiến đã ban hành các bộ *Hội điển.* 1) *Quốc triều thông chế* (năm 1230); 2) *Quốc triều thường lễ* (1230); *Hoàng triều đại điển* (1341); 3) *Hoàng tông ngọc điệp* (1267); và 4) *Công văn cách thức* (1299). Do các văn bản này đã thất truyền, chỉ còn lưu lại tên gọi, nên không rõ nội dung của chúng có quy định về tội phạm và hình phạt hay không; và như thế cũng chưa có cơ sở khẳng định chắc chắn cả bốn bộ *Hội điển* này đều là nguồn của luật hình sự nhà Trần.

Sang đến triều đại nhà Lê, có các bộ *Hội điển* sau được coi là nguồn của luật hình sự: 1) *Thiên Nam dư hạ tập;* 2) *Hồng Đức thiện chính thư;* 3) *Lê triều hội điển;*4) *Quốc triều Chiếu lệnh thiện chính...* Hiện nay, hầu hết các bộ *Hội điển* ban hành dưới triều Lê còn lưu lại đã được dịch ra chữ quốc ngữ do Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản vào các năm 1994 và 2009.

Dưới triều đại nhà Nguyễn, các vua Nguyễn cũng cho ban hành các bộ: *Hội điển toát yếu, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Minh Mệnh chính yếu, Đại Nam Điển lệ toát yếu, Ngự chế văn* (Dụ văn)..., trong đó, bộ Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ là nguồn đầy đủ và có vai trò quan trọng nhất.

Một trong những vấn để đặt ra khi nghiên cứu nguồn luật hình sự trước năm 1945 là: dưới chế độ phong kiến Việt Nam, ***án lệ*** có phải là nguồn luật hình sự hay không. Điều 685 *Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức) quy định: *“Những chế sắc (của vua) luận tội gì, chỉ là xét xử nhất thời, chứ không phải là sắc lệnh vĩnh viễn, thì không được viện dẫn sắc lệnh ấy mà xử đoán việc sau. Nếu ai viện ra xét xử không đúng thì khép vào tội cố ý làm sai luật”*. Theo tinh thần của điều luật nói trên, Nhà nước phong kiến Việt Nam (triều đình nhà Lê), không chấp nhận áp dụng án lệ. Chỉ những “sắc lệnh” quy định quy tắc chung, xác định khuôn mẫu hành vi con người mới là luật; những “chế sắc” hay bản án xử lý từng vụ án cụ thể không thể là căn cứ pháp lý để giải quyết các vụ án hình sự về sau. Tác giả cuốn sách *cổ luật Việt Nam và Tư pháp sử diễn giảng* cũng cho rằng, án lệ không có điều kiện tồn tại với tư cách là nguồn của pháp luật (hình sự) phong kiến Việt Nam bởi hai lý do:

Một là, pháp luật thành văn ban hành dưới chế độ phong kiến quá chi tiết, cụ thể, giảm tối đa quyền tuỳ nghi của người làm nhiệm vụ xét xử.

Hai là, *“khi xử án, quan án phải dẫn chiếu điều luật trong bản án đúng với trường hợp đương được xét, không thể tự ý gia giảm hình phạt hoặc giải thích điều luật theo ý riêng để thêm bớt hình phạt đã quy định.*

*Nếu xử án không đúng luật, quan án sẽ bị tội “xuất nhập nhân tội” và bị phạt thay thế cho phạm nhân mà họ đã tha hay đã buộc tội trái pháp luật”.*

Lý do thứ hai mà tác giả này nêu ra ở trên thực chất là nội dung cơ bản của Điều 722 *Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức). Như thế, các lập luận về sự không tồn tại của án lệ trong hệ thống nguồn luật hình sự phong kiến Việt Nam đã nêu chỉ được khẳng định trong chế độ pháp luật nhà Lê.

**2.1.3. Án lệ là nguồn luật hình sự dưới triều nhà Nguyễn**

Nghiên cứu nội dung bộ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* của nhà Nguyễn, có thể thấy rằng dường như tình hình nguồn luật hình sự phong kiến phát triển theo một hướng khác. Quyển 179, phần Bộ Hình của bộ *Hội điển* này có chép bốn đạo Dụ của vua Minh Mệnh liên quan đến điều luật cho phép con cháu chịu hình phạt thay cho ông, bà, cha mẹ. Có thể thấy dưới triều đại nhà Nguyễn, án lệ đã hình thành và được xem là một loại nguồn của luật hình sự. Tuy nhiên, những bản án được xem là án lệ không nhiều và là những bản án đặc biệt, được đưa ra theo quyết định của người đứng đầu nhà nước là vị vua chuyên chế để bổ sung cho các quy định của luật thành văn.

Ngoài luật thành văn (văn bản quy phạm pháp luật), án lệ, xét về mặt lý luận, lý thuyết pháp luật cũng có thể xem là nguồn của luật hình sự. Vấn đề đặt ra là, lý thuyết pháp luật có được xem là nguồn của pháp luật hình sự trước năm 1945 hay không, về vấn đề này, cần khảo sát qua thực tiễn lý thuyết pháp luật Việt Nam trung đại cũng như các quy định của pháp luật đương thời. Trong suốt lịch sử chế độ phong kiến 1000 năm ở Việt Nam, qua những tư liệu còn để lại có thể thấy, người Việt chúng ta đã bàn nhiều *về* văn học mà ít nghiên cứu luật học. Những người viết chính sử Việt Nam đưa ra nhiều lời khen chê đối với các ông vua triều đại trước nhưng hầu như không đánh giá về chế độ pháp luật trong thời gian trị vì của họ. Trong các bộ sách cổ còn lưu lại đến ngày nay, chỉ có chương *Nghệ văn chí* trong *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn và chương *Hình luật chí* trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú quan tâm đến pháp luật. Tuy nhiên, cả Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú đều chỉ chép luật mà không bình luận, phân tích luật. Thực trạng này cho thấy, người Việt dường như không có truyền thông nghiên cứu lý luận pháp luật và như vậy, hoàn toàn chưa có một cơ sở nào cho phép kết luận lý thuyết pháp luật là nguồn cửa luật hình sự phong kiến Việt Nam. Điều này được lý giải bởi thái độ của Nhà nước phong kiến Việt Nam đối với những vấn đế mang tính lý luận nói chung, với lý thuyết về pháp luật nói riêng. Trong chế độ phong kiến, pháp luật là luật của nhà vua, do vua trực tiếp ban hành.

Luận bàn, khen chê pháp luật của nhà vua là phạm tội khi quân phạm thượng. Điều 132 Quôc *triều hình luật* (Luật Hồng Đức) quy định rõ: *“Những người chỉ trích vua mà tình lý rất tệ hại (lời chỉ trích nguy hại đến nhà vua) thì xử tội chém, không gây nguy hại nhà vua thì xử tội đồ làm tượng phường binh. Nhỡ miệng nói càn thì giảm tội một bậc”.*

***2.1.4. Tục lệ làng xã là nguồn luật hình sự thời phong kiến trong một số trường hợp***

Theo tác giả cuốn sách *cổ luật Việt Nam và Tư pháp sử diễn giảng* thì pháp luật Việt Nam cổ không chỉ tồn tại trong các vãn bản do Nhà nước chính thức ban hành mà còn thể hiện trong các tục lệ của các làng xã; nói cách khác, tục lệ các làng xã cũng được xem là nguồn của pháp luật nói chung, nguồn luật hình sự nói riêng. Tục lệ còn có những tên gọi như hương ước, khoán ước, lệ làng..., là những tập quán lâu đời điều chỉnh hành vi của người dân trong nội bộ làng xã. Làng nào có hương ước, lệ làng của làng đó. Tuy nhiên, coi hương ước, khoán ước, lệ làng..., là nguồn của luật hình sự có điểm không hợp lý bởi về bản chất chúng không phải là hình thức phản ánh pháp luật của Nhà nước. Câu tục ngữ *“phép vua thua lệ làng”,* một mặt cho thấy hiệu lực của lệ làng nhiều khi còn cao hơn pháp luật của nhà vua, mặt khác phân biệt một cách rành mạch “lệ làng” với “phép vua” - pháp luật của Nhà nước. Tục lệ chỉ trở thành nguồn luật hình sự trong trường hợp đặc biệt. Điều 40 *Quốc triều hình luật* quy định: *“Những người miền thượng du cùng phạm tội với nhau thì theo phong tục xứ ấy mà định tội. Những người thượng du phạm tội với người trung châu thì theo luật mà định tội”.* Theo quy định của điều luật nêu trên, các *“phong tục”* (luật tục) sẽ được Nhà nước phong kiến thời Hậu Lê lựa chọn làm giải pháp, để xử lý những vụ việc (vi phạm) xảy ra trong nội bộ các dân tộc thiểu *số,* và trở thành nguồn luật hình sự trong trường hợp này.

Như thế, nguồn luật hình sự phong kiến Việt Nam, về cơ bản, chủ yếu chỉ tập trung vào nguồn luật thành văn, nghĩa là các văn bản được chính thức ban hành bởi Nhà nước. Tập quán là nguồn của luật hình sự với đối tượng áp dụng là người thuộc các dân tộc thiểu số. Ngoài ra, trong một số trường hợp nhất định như đã trình bày trên, án lệ cũng được coi là nguồn bổ sung của luật hình sự trong thời kỳ này.

***2.2. Thời kỳ thực dân pháp trước năm 1945***

Năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu nổ súng xâm lược nước ta. Năm 1883-1884, nhà Nguyễn lần lượt ký Hiệp ước Hácman (Harmand) và Hiệp ước Patơnốt (Patenôtre) biến nước ta thành thuộc địa của Pháp. Trong thời kỳ Pháp thuộc, nguồn luật hình sự có các loại sau:

+ Các văn bản pháp luật do chính quyền thực dân ban hành, gồm có: bộ *Hình luật Pháp tu chính* áp dụng ở Nam kỳ và các Nghị định có tính lập pháp của Toàn quyền Đông Dương áp dụng chung cho phần lãnh thổ ba nước Đông Dương (Việt Nam, Lào, Campuchia).

+ Các văn bản pháp luật do triều đĩnh Huê ban hành, gồm có: bộ *Hoàng Việt hình luật* áp dụng ỏ Trung kỳ (trừ Đà Nẵng theo quy chế thuộc địa áp dụng quy định bộ *Hình luật Pháp tu chính),* bộ *Hình luật Bắc kỳ*áp dụng ở Bắc kỳ (trừ Hà Nội và Hải Phòng là hai thành phôz theo quy chế thuộc địa áp dụng quy định bộ *Hình luật Pháp tu chính* như Đà Nẵng) và các đạo Dụ của vua Nguyễn theo sự phê chuẩn của người Pháp áp dụng ở Bắc kỳ vă Trung kỳ.

+ Án lệ cũng được xem là nguồn chính thức của luật hình sự Việt Nam thời kỳ này. Theo tác giả bài viết *Án lệ trong hệ thống pháp luật một số nước trên thế giới* thì *“dưới thời Pháp thuộc, án lệ của toà án tư pháp... được coi là nguồn của pháp luật Việt Nam giai đoạn này”* và *“sau năm 1884 đã xuất hiện các tập án lệ do cả nhà nước và tư nhân sưu tầm và công bố, điển hình là Tập án lệ Bắc kỳ 1937 và Tập án lệ Trung kỳ 1941, ngoài ra còn có một sô tạp chí cũng công bố án lệ, ví dụ như Tạp chí pháp luật Đông Dương”.*

+ Lý thuyết pháp luật hình sự du nhập từ Pháp vào Việt Nam trong chế độ thuộc địa. Ngày 11-9-1931, Toàn quyển Đông Dương ký sắc lệnh chính thức thành lập *Trường Đại học Luật khoa ("École Supérieure des Droits")* trên cơ sở trường *Đông Dương Cao đẳng học viện* chuyên đào tạo luật cho những quan chức người Việt làm việc trong bộ máy chính quyền thực dân phong kiến. Qua nhiều kênh khác nhau, nhất là qua hoạt động đào tạo luật của *Trường Đại học Luật khoa*nói trên, lý thuyết pháp luật của Pháp nói riêng, của hệ thống châu Âu lục địa nói chung, dần dần du nhập và trở thành nguồn của luật hình sự Việt Nam trước năm 1945.

Trên đây là tư vấn của chúng tôi về nội dung "Tìm hiểu nguồn của luật hình sự thời kỳ trước năm 1945". Nếu còn vướng mắc, chưa rõ hoặc cần hỗ trợ pháp lý khác bạn vui lòng liên hệ bộ phận [tư vấn pháp luật trực tuyến qua tổng đài điện thoại](https://luatminhkhue.vn/luat-su-dat-dai/so-dien-thoai-luat-su-tu-van-phap-luat-truc-tuyen-qua-tong-dai--.aspx) số: [**1900 6162**](tel:19006162) để được giải đáp.

Rất mong nhận được sự hợp tác!

Trân trọng./.

**Luật Minh Khuê - Sưu tầm & biên tập**